



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3

LIST OF ACCREDITED TESTS, THE THIRD EXPANSION

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 07 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng
quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng thử nghiệm Hóa Sinh**

Laboratory: **Chemical Biological Laboratory**

Tổ chức/
Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ**

Organization: **Can Tho Technical Center of Standards Metrology and Quality**

Số hiệu/ Code: **VILAS 086**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria: **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực:
Field: **Hóa
Chemical**

Người quản lý:
Laboratory manager: **Phạm Văn Tú
Pham Van Tu**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Kể từ ngày /07/2025 đến ngày 08/02/2026**

Địa chỉ:
Address: **Số 45 đường 3 tháng 2, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
No 45, 3/2 street, Ninh Kiều ward, Can Tho City**

Địa điểm:
Location: **Số 45 đường 3 tháng 2, phường Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
No 45, 3/2 street, Ninh Kiều ward, Can Tho City**

Điện thoại/ Tel: **0292.3830353**

Email: **catech@cantho.gov.vn**

Website: **www.catech.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3*LIST OF ACCREDITED TESTS, THE THIRD EXPANSION***VILAS 086****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm bảo vệ sức khỏe <i>Health supplement</i>	Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of As content ICP-MS method</i>	25 µg/kg	(b) TCVN 10912:2015
2.		Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Cd content ICP-MS method</i>	25 µg/kg	
3.		Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Pb content ICP-MS method</i>	25 µg/kg	
4.		Xác định hàm lượng Thủy ngân (Hg) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Hg content ICP-MS method</i>	25 µg/kg	
5.		Xác định hàm lượng Thiếc (Sn) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Sn content ICP-MS method</i>	60 µg/kg	(b) TCVN 10914:2015
6.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định hàm lượng Pentachlorophenol Phương pháp GC-MS/MS <i>Determination of Pentachlorophenol content GC-MS/MS method</i>	1,5 µg/L	(b) HD 15-SK-1.20.11 (2025) (Ref. US EPA Method 3510C & US EPA Method 8270E)
7.		Xác định chỉ số Permanganat (KMnO ₄) <i>Determination of permanganate index</i>	1,6 mg/L	(a) TCVN 6186:1996

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3

LIST OF ACCREDITED TESTS, THE THIRD EXPANSION

VILAS 086

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
8.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định hàm lượng tổng Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) Phương pháp quang phổ <i>Determination of amonia nitrogen content</i> <i>Spectrometric method</i>	0,1 mg/L	(a) SMEWW 4500-NH3.F:2023
9.		Xác định hàm lượng Acrylamide (C ₃ H ₅ NO) Phương pháp LC-MS/MS <i>Determination of Acrylamide content</i> <i>LC-MS/MS method</i>	0,4 µg/L	(b) HD 15-SK-1.20.5 (2025)
10.	Rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả <i>Vegetable, fruit and vegetable, fruit products</i>	Xác định hàm lượng Auramine O (Vàng O) Phương pháp LC-MSMS <i>Determination of Auramine O content</i> <i>LC-MS/MS method</i>	0,3 µg/kg	(b) HD 15-SK-1.8.9 (2025)
11.		Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Cd content</i> <i>ICP-MS method</i>	30 µg/kg	(b) HD 15-TP-1.26.22a (2025) (Ref. AOAC 2015.01)
12.		Xác định hàm lượng Chì (Pb) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Pb content</i> <i>ICP-MS method</i>	30 µg/kg	
13.		Xác định hàm lượng Asen (As) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of As content</i> <i>ICP-MS method</i>	30 µg/kg	
14.		Xác định hàm lượng Crom tổng (Cr) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of total Cr content</i> <i>ICP-MS method</i>	200 µg/kg	(b) HD 15-TP-1.26.23 (2024) (Ref. AOAC 2015.06)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 3*LIST OF ACCREDITED TESTS, THE THIRD EXPANSION***VILAS 086**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
15.	Thủy sản và sản phẩm thủy sản <i>Fish and fishery products</i>	Xác định hàm lượng Cadimi (Cd) Phương pháp ICP-MS <i>Determination of Cd content ICP-MS method</i>	30 µg/kg	(a) HD 15-TP-1.26.22b (2025) (Ref. AOAC 2015.01)

Ghi chú/Note:

- HD... phương pháp thử nội bộ/ *Laboratory developed method*
- (a): Phép thử cập nhật của Quyết định số 65.2023/QĐ-VPCNCL ngày 08 tháng 02 năm 2023/ *Update method for accreditation decision number 65.2023/QĐ-VPCNCL dated 08/02/2023*
- (b): Phép thử mở rộng/ *Extend tests* (07.2025/ *July 2025*).

Trường hợp Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for Can Tho Technical Center of Standards Metrology and Quality that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service*

